TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/11/2019
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Mộng Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương
2. Bà Trần Thị Diệu Hương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thanh Huế, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiếu, Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 502/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Phương T, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 44 kiệt 271 đường C, phường Phú Hiệp, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

Bị đơn: Anh Sử Duy T, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 44 kiệt 271 đường C, phường Phú Hiệp, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Phạm Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Sử Duy T tự nguyện kết hôn sau thời gian 05 năm tìm hiểu, có làm lễ cưới theo phong tục, đăng ký kết hôn ngày 03/10/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Phú Hiệp, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, anh chị về sinh sống tại nhà cha mẹ vợ tại thành phố Huế, hạnh phúc được 01 năm đầu tiên, sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, gây gỗ đánh đập nhau, gây mâu thuẫn với hai bên gia đình

nội ngoại, anh chị đã sống ly thân gần 03 năm nay, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm săn sóc nhau.

Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Sử Duy T.

*Về con chung**:*** Chị và anh Sử Duy T có 01 con chung tên là Sử Duy K, sinh ngày 25/3/2015, hiện đang do chị chăm sóc. Chị có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến lúc trưởng thành, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

*Về tài sản chung của vợ chồng**:*** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung của vợ chồng**:*** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Sử Duy T trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Thắng không đến làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự; về tố tụng đề nghị căn cứ Điều 227 xử vắng mặt bị đơn; về nội dung vụ án: Đề nghị căn cứ các 51, 56, 58; 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Chấp nhận đơn ly hôn của chị T; giao con chung là cháu Sử Duy K cho chị Ttrực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; chị Ttự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không xét; chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là anh Sử Duy T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng vẫn cố tình vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Phương T và anh Sử Duy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân phường Phú Hiệp, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 03/10/2015, đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của chị T và anh T là hợp pháp.

Xét về mâu thuẫn của vợ chồng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến làm việc, nhưng anh T cố tình không đến. Điều

này cho thấy anh T tự từ bỏ quyền chứng minh của mình trước Toà; và bỏ mặc, không tôn trọng, không quan tâm đến tình trạng hôn nhân của chính mình.

Xét lời khai của chị Thanh, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình hôn nhân giữa chị và anh đã phát sinh mẫu thuẫn kéo dài mà nguyên nhân là do hai bên bất đồng về quan điểm, không hòa hợp cùng nhau trong cuộc sống, anh T nhiều lần đánh đập chị, ham mê bóng đá, cá độ, không lo làm ăn kinh tế xây dựng gia đình nên mẫu thuẫn ngày càng trầm trọng. Là một người phụ nữ, chị T mong muốn được chồng san sẻ về nhiều vấn đề trong cuộc sống, nhưng thực tế hôn nhân của của chị đã không đạt được điều đó. Hiện tại, tình cảm của chị dành cho chồng không còn, hai bên đã sống ly thân đã hơn 02 năm nay, không quan tâm gì đến nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa tiến hành thu thập chứng cứ từ bà Phan Thị L (mẹ ruột của anh T) và bà Phạm Thị Nam P (mẹ ruột của chị T), cả hai đều xác nhận chị T và anh T đã ly thân hơn 02 năm nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, cho biết: Tình trạng hôn nhân của chị T và anh T không hạnh phúc, mâu thuẫn đã lâu, nguyên nhân là do anh Thắng không chịu khó làm ăn, ham mê cá độ bóng đá, không chăm lo đến hạnh phúc gia đình, hai bên đã sống ly thân nhau hơn 02 năm nay.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận định: Thực tế hôn nhân giữa chị Thanh và anh Thắng đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung tên là Sử Duy K, sinh ngày 25/3/2015, hiện đang do chị T chăm sóc. Xét nguyện vọng chị T mong muốn trực tiếp nuôi con, thực tế từ khi sinh ra cho đến nay, cháu K cũng do chị Tchăm sóc về vật chất lẫn tinh thần và thiếu sự hỗ trợ từ anh T về mọi mặt. Cho thấy, nguyện vọng của chị T phản ánh đúng thực tế, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù đã được Tòa án giải thích, nhưng chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của chị T nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xét.

Về án phí ly hôn: Chị Phạm Phương T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử :

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Phạm Phương T

Xử: Chị Phạm Phương T được ly hôn với anh Sử Duy T.

2, Về con chung: Giao cháu Sử Duy K, sinh ngày 25/3/2015 cho chị Phạm Phương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; anh Sử Duy T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Phạm Phương T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2013/008624 ngày 10/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế, nên không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy đinh tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; được bổ sung theo Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì ngươi được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
-*TAND TT. Huế*;
-*VKSND TP. Huế;*
- *THADS TP. Huế*;
- *Nguyên đơn, bị đơn;*
- *UBND P.Phú Nhuận ;*
- *Lưu dán;*
- *Lưu hồ sơ.*

Mai Thị Mộng Trinh